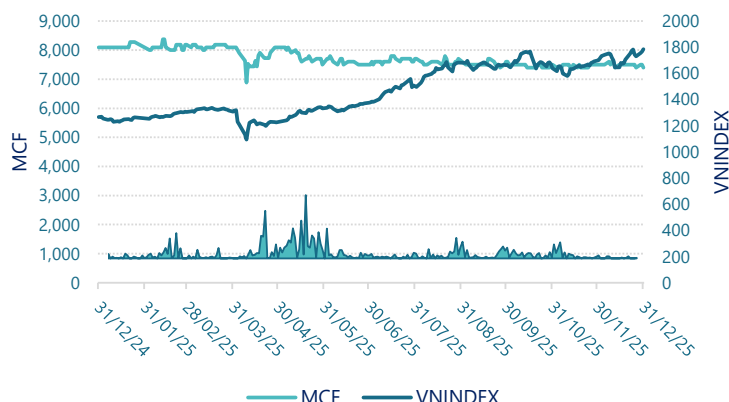


CTCP Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (HNX: MCF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,372
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,884
SL cổ phiếu LH	10,777,838
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,330
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	80
P/E	7.8
EPS	953

DT thuần

Q4/25

120

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.00 | -4.3%

YoY: ▼17.0 | -12.7%

LN sau thuế

Q4/25

3.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.93 | 44.6%

YoY: ▲1.52 | 102%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.4%

+/- YoY: ▼0.5%

DT thuần

2025

531

tỷ VNĐ

YoY: ▲51.0 | 10.5%

LN sau thuế

2025

10.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲0.65 | 6.4%

ROE

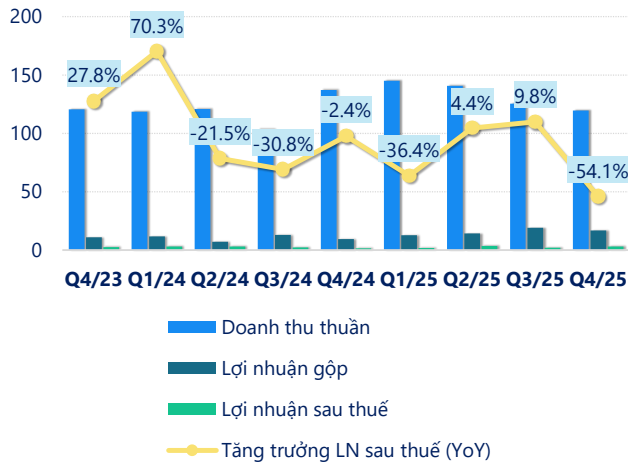
2025

8.6%

+/- YoY: ▲0.6%

tỷ VNĐ

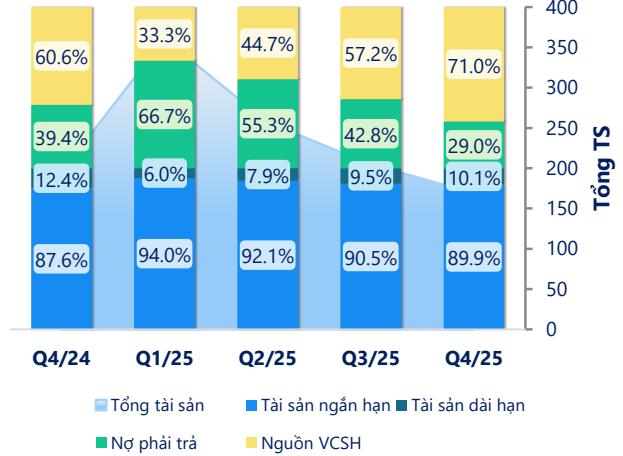
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

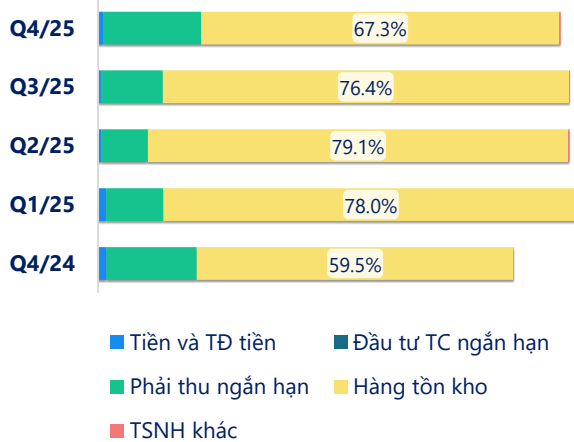
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



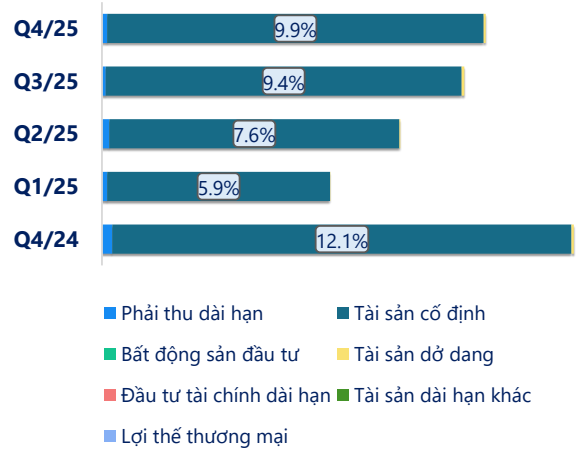
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

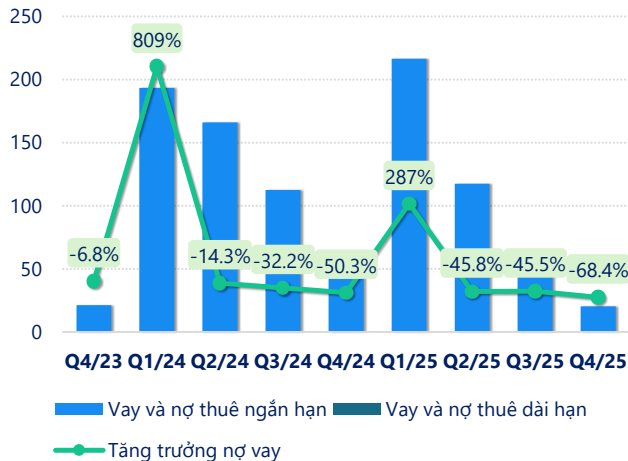
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

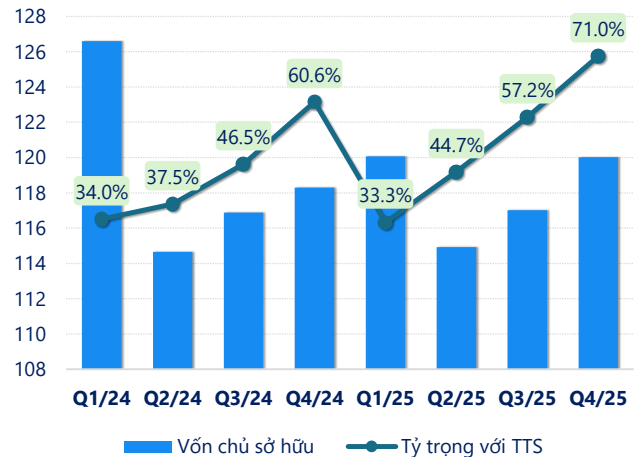
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

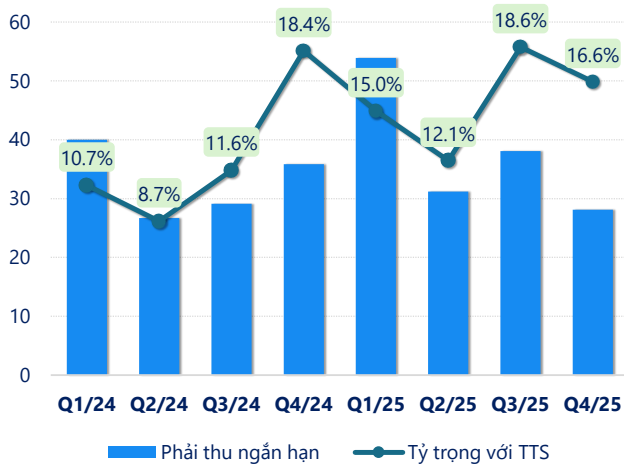
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



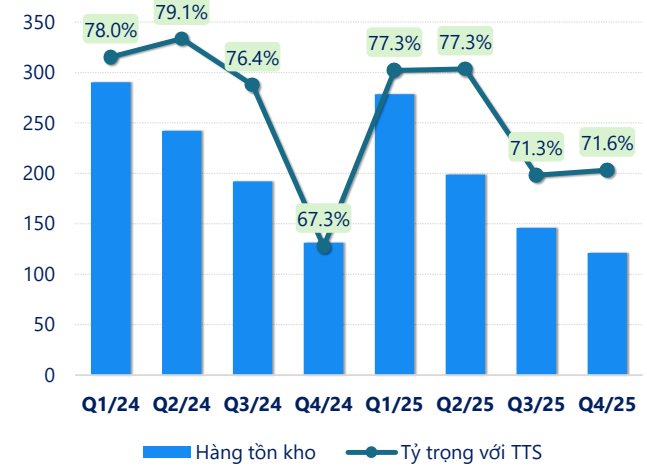
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


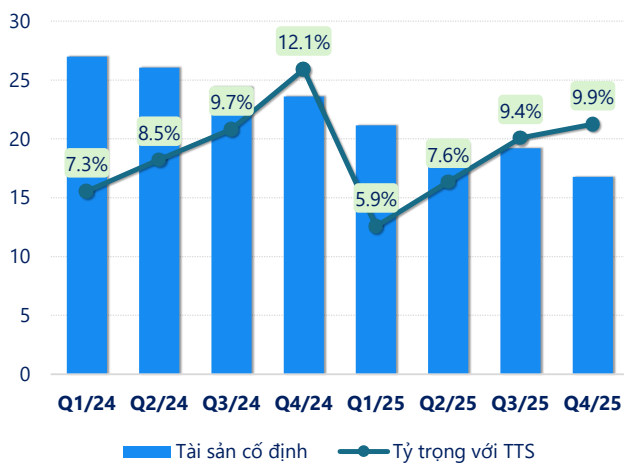
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


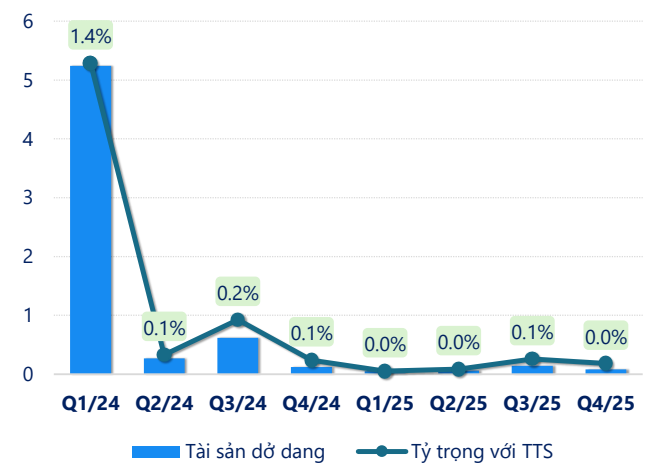
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

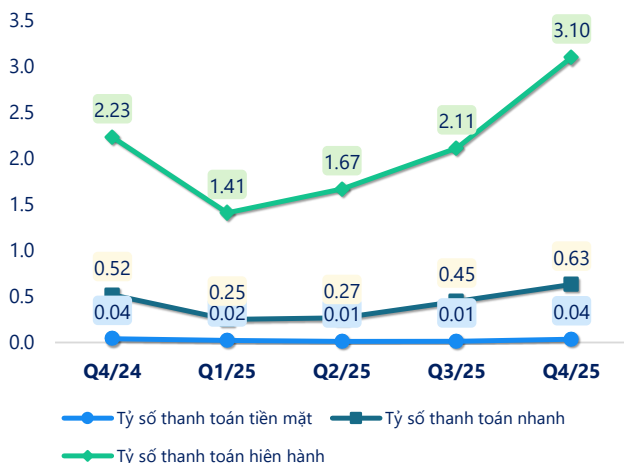
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

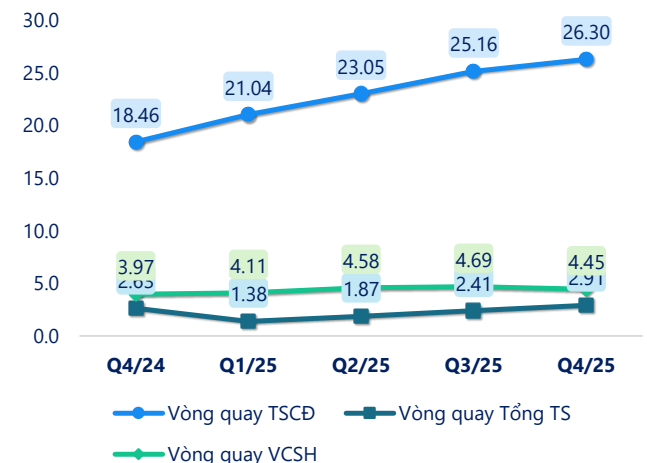
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	195	360	257	205	169
Tài sản ngắn hạn	171	339	237	185	152
Tiền và tương đương tiền	3.13	5.61	1.68	1.12	1.79
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	4.50	0	0
Phải thu ngắn hạn	35.8	53.9	31.2	38.0	28.1
Hàng tồn kho	131	278	199	146	121
Tài sản ngắn hạn khác	0.62	0.76	0.66	0	1.05
Tài sản dài hạn	24.2	21.7	20.2	19.5	17.1
Phải thu dài hạn	0.54	0.50	0.50	0.20	0.23
Tài sản cố định	23.6	21.1	19.6	19.2	16.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.12	0.05	0.06	0.14	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	76.8	240	142	87.7	49.0
Nợ ngắn hạn	76.6	240	142	87.7	49.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.9	217	117	63.9	20.2
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9	16.0	12.4	9.70	12.4
Nợ dài hạn	0.27	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	118	120	115	117	120
Vốn chủ sở hữu	118	120	115	117	120
Vốn điều lệ	108	108	108	108	108
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)